

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP THI HỌC KỲ
HỌC PHẦN KINH TẾ HỌC
HỆ ĐẠI HỌC**

I. Trắc nghiệm:

1. Lượng cầu nhạy cảm hơn đối với những thay đổi trong giá khi:
 - a. Cung là không co dãn tương đối.
 - b. Những người tiêu dùng là người hợp lý.
 - c. Người tiêu dùng được thông tin tương đối tốt hơn về chất lượng của một hàng hóa nào đó.
 - d. Có nhiều hàng hóa thay thế được nó ở mức độ cao.
 - e. Tất cả đều đúng.
2. Quy tắc phân bổ ngân sách tối ưu cho người tiêu dùng là:
 - a. Lợi ích cận biên thu được từ đơn vị cuối cùng của mỗi hàng hóa nhân với giá của nó phải bằng nhau.
 - b. Lợi ích cận biên thu được từ mỗi hàng hóa phải bằng 0.
 - c. Lợi ích cận biên thu được từ mỗi hàng hóa phải bằng vô cùng.
 - d. Lợi ích cận biên thu được từ đơn vị cuối cùng của mỗi hàng hóa chia cho giá của nó phải bằng nhau.
 - e. Không câu nào đúng.
3. Thặng dư sản xuất có thể biểu thị là:
 - a. Chênh lệch giữa doanh thu và tổng chi phí của hãng.
 - b. Tổng của chi phí cố định và chi phí biến đổi của hãng.
 - c. Diện tích nằm giữa đường chi phí biến đổi trung bình của hãng và đường giá giới hạn bởi mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận và mức sản lượng bằng 0.
 - d. Chênh lệch giữa doanh thu và tổng chi phí biến đổi của hãng.
 - e. c và d.
4. Năng hạn có thể sẽ:
 - a. Làm cho người cung gạo sẽ dịch chuyển đường cung của họ lên một mức giá cao hơn.
 - b. Làm cho đường cung về gạo dịch chuyển sang trái và lên trên.
 - c. Gây ra cầu cao hơn về gạo dẫn đến một mức giá cao hơn.
 - d. Làm cho người tiêu dùng giảm cầu của mình về gạo.
 - e. Làm giảm giá các hàng hóa thay thế cho gạo.
5. Giá trị của sản phẩm cận biên của lao động bằng:
 - a. Doanh thu mà hãng thu được đối với đơn vị sản phẩm cuối cùng.
 - b. Doanh thu mà hãng thu được từ việc gia nhập thị trường.
 - c. Sản phẩm cận biên nhân với mức lương.
 - d. Sản phẩm cận biên nhân với giá sản phẩm.
 - e. Không câu nào đúng.
6. Doanh thu cận biên:
 - a. Nhỏ hơn giá đối với hãng cạnh tranh vì khi bán nhiều sản phẩm hãng phải hạ giá.

- b. Bằng giá đối với hàng cạnh tranh.
 - c. Là doanh thu mà hàng nhận được từ một đơn vị bán thêm.
 - d. Là lợi nhuận bổ sung mà hàng thu được khi bán thêm một đơn vị sản phẩm sau khi đã tính tất cả các chi phí cơ hội.
 - e. b và c.
7. Giả định rằng không có tiết kiệm hay đi vay, và thu nhập của người tiêu dùng là cố định, ràng buộc ngân sách của người đó:
- a. Xác định tập hợp các cơ hội của người đó.
 - b. Chỉ ra rằng tổng chi tiêu không thể vượt quá tổng thu nhập.
 - c. Biểu thị lợi ích cận biên giảm dần.
 - d. Tất cả.
 - e. a và b.
8. Sự khác nhau giữa ngắn hạn và dài hạn là:
- a. Trong ngắn hạn có hiệu suất không đổi nhưng trong dài hạn không có.
 - b. Trong dài hạn tất cả các yếu tố đầu vào có thể thay đổi được.
 - c. Ba tháng.
 - d. Trong ngắn hạn đường chi phí trung bình giảm dần, còn trong dài hạn thì nó tăng dần.
 - e. a và b.
9. Khi giá tăng lượng cầu giảm dọc trên một đường cầu cá nhân vì:
- a. Các cá nhân thay thế bằng các hàng hóa và dịch vụ khác.
 - b. Một số cá nhân rời bỏ thị trường.
 - c. Một số cá nhân gia nhập thị trường.
 - d. Lượng cung tăng.
 - e. a và b.
10. Kinh tế học có thể định nghĩa là:
- a. Nghiên cứu những hoạt động gắn với tiền và những giao dịch trao đổi giữa mọi người.
 - b. Nghiên cứu sự phân bổ các tài nguyên khan hiếm cho sản xuất và việc phân phối các hàng hóa dịch vụ.
 - c. Nghiên cứu của cải.
 - d. Nghiên cứu con người trong cuộc sống kinh doanh thường ngày, kiếm tiền và hưởng thụ cuộc sống.
 - e. Tất cả đều đúng.
11. Tại sao doanh thu của nông dân lại cao hơn trong những năm sản lượng thấp do thời tiết xấu?
- a. Cầu co dãn hơn cung.
 - b. Cung co dãn hoàn toàn.
 - c. Cầu không co dãn; sự dịch chuyển sang trái của cung sẽ làm cho doanh thu tăng.
 - d. Cung không co dãn, sự dịch chuyển sang trái của cung sẽ làm cho tổng doanh thu tăng.
 - e. Không câu nào đúng.

12. Khi thu nhập của người tiêu dùng tăng, ràng buộc ngân sách của người tiêu dùng:

- a. Dịch chuyển ra ngoài song song với đường ngân sách ban đầu.
- b. Quay và trở nên dốc hơn.
- c. Quay và trở nên thoải mái hơn.
- d. Dịch chuyển vào trong và song song với đường ngân sách ban đầu.
- e. Không câu nào đúng.

13. Nếu một hàng hóa được coi là “cấp thấp” thì:

- a. Giá của nó tăng, người ta sẽ mua nó ít đi.
- b. Giá của nó giảm, người ta sẽ mua nó nhiều hơn.
- c. Khi thu nhập của người tiêu dùng tăng, người ta sẽ mua hàng hóa đó ít đi.
- d. Khi thu nhập của người tiêu dùng giảm, người ta sẽ mua hàng hóa đó ít đi.
- e. Nếu giá hoặc thu nhập thay đổi sẽ không gây ra sự thay đổi trong tiêu dùng hàng hóa đó.

14. Các cá nhân và các hàng thực hiện sự lựa chọn vì:

- a. Hiệu suất giảm dần.
- b. Sự hợp lý.
- c. Sự khan hiếm.
- d. Tất cả các câu trên đều đúng.
- e. Không câu nào đúng.

15. Câu nào không đúng:

- a. ATC ở dưới MC hàm ý ATC đang tăng.
- b. ATC ở trên MC hàm ý MC đang tăng.
- c. MC tăng hàm ý AC tăng.
- d. ATC giảm hàm ý MC ở dưới ATC.
- e. MC = ATC ở mọi điểm hàm ý ATC là đường thẳng.

16. Ví dụ nào sau đây thuộc phạm vi nghiên cứu của kinh tế học chuẩn tắc:

- a. Thâm hụt ngân sách lớn trong những năm 1980 đã gây ra thâm hụt cán cân thương mại.
- b. Trong thời kỳ suy thoái, sản lượng giảm và thất nghiệp tăng.
- c. Lãi suất thấp sẽ kích thích đầu tư.
- d. Phải giảm lãi suất để kích thích đầu tư.
- e. Chính sách tiền tệ mở rộng sẽ làm giảm lãi suất.

17. Đường giới hạn khả năng sản xuất của một nền kinh tế dịch chuyển ra ngoài do các yếu tố sau. Sự giải thích nào sai nếu có:

- a. Chi tiêu vào các nhà máy và thiết bị mới thường xuyên được thực hiện.
- b. Dân số tăng.
- c. Tìm ra các phương pháp sản xuất tốt hơn.
- d. Tìm thấy các mỏ dầu mới.
- e. Tiêu dùng tăng.

18. Đường cầu cá nhân về một hàng hóa dịch vụ:

- a. Cho biết số lượng hàng hóa hoặc dịch vụ mà một cá nhân sẽ mua ở mỗi mức giá.

- b. Cho biết giá cân bằng thị trường.
- c. Biểu thị hàng hóa hoặc dịch vụ nào sẽ được thay thế theo nguyên lý thay thế.
- d. Tất cả đều đúng.
- e. a và c.

19. Nếu một hàng hóa được coi là “cấp thấp” thì:

- a. Giá của nó tăng, người ta sẽ mua nó ít đi.
- b. Giá của nó giảm, người ta sẽ mua nó nhiều hơn.
- c. Khi thu nhập của người tiêu dùng tăng, người ta sẽ mua hàng hóa đó ít đi.
- d. Khi thu nhập của người tiêu dùng giảm, người ta sẽ mua hàng hóa đó ít đi.
- e. Nếu giá hoặc thu nhập thay đổi sẽ không gây ra sự thay đổi trong tiêu dùng hàng hóa đó.

20. Thay đổi phần trăm trong lượng cầu do thay đổi 1% tăng trong thu nhập gây ra là:

- a. 1
- b. Lớn hơn 0
- c. Co dãn của cầu theo thu nhập.
- d. Co dãn của cầu theo giá.
- e. Không cầu nào đúng.

21. Doanh thu cận biên:

- a. Nhỏ hơn giá đối với hàng cạnh tranh vì khi bán nhiều sản phẩm hàng phải hạ giá.
- b. Bằng giá đối với hàng cạnh tranh.
- c. Là doanh thu mà hàng nhận được từ một đơn vị bán thêm.
- d. Là lợi nhuận bổ sung mà hàng thu được khi bán thêm một đơn vị sản phẩm sau khi đã tính tất cả các chi phí cơ hội.
- e. b và c.

22. Giả sử rằng hai hàng hóa A và B là bổ sung hoàn hảo cho nhau trong tiêu dùng và giá của hàng hóa B tăng cao do cung giảm. Hiện tượng nào sau đây sẽ xảy ra:

- a. Lượng cầu hàng hóa A sẽ có xu hướng tăng.
- b. Giá của hàng hóa A sẽ có xu hướng giảm.
- c. Cả giá và lượng cầu hàng hóa A sẽ có xu hướng tăng.
- d. Giá của hàng hóa A sẽ có xu hướng tăng, lượng cầu hàng hóa A sẽ có xu hướng giảm.
- e. Giá của hàng hóa A sẽ có xu hướng giảm và lượng cầu sẽ có xu hướng tăng.

23. Giả sử rằng co dãn của cầu theo giá là 1,5. Nếu giá giảm, tổng doanh thu sẽ:

- a. Giữ nguyên
- b. Giảm
- c. Tăng
- d. Tăng gấp đôi.
- e. c và d

24. Sự dịch chuyển của đường giới hạn khả năng sản xuất là do:

- a. Thất nghiệp.
- b. Lạm phát.

- c. Những thay đổi trong công nghệ sản xuất.
- d. Những thay đổi trong kết hợp hàng hóa sản xuất ra.
- e. Những thay đổi trong thị hiếu của người tiêu dùng.

25. Đường cầu là đường thẳng có tính chất nào trong các tính chất sau:

- a. Có độ dốc không đổi và độ co dãn thay đổi.
- b. Có độ co dãn không đổi và độ dốc thay đổi.
- c. Có độ dốc và độ co dãn thay đổi.
- d. Nói chung không thể khẳng định được như các câu trên.
- e. Không câu nào đúng.

26. Nếu cầu về một hàng hóa giảm khi thu nhập giảm thì;

- a. Hàng hóa đó là hàng hóa bình thường.
- b. Hàng hóa đó là hàng hóa cấp thấp.
- c. Co dãn của cầu theo thu nhập nhỏ hơn 1.
- d. Co dãn của cầu theo thu nhập ở giữa 0 và 1.
- e. b và c.

27. Độ dốc của đường ngân sách phụ thuộc vào:

- a. Giá tương đối của các hàng hóa.
- b. Thu nhập của người tiêu dùng.
- c. Sự sẵn có của các hàng hóa thay thế.
- d. Hàng hóa đó là hàng hóa bình thường hay thứ cấp.
- e. a và b

28. Số lượng hàng hóa mà một người muốn mua không phụ thuộc vào:

- a. Giá của hàng hóa đó.
- b. Thị hiếu của người đó.
- c. Giá của các hàng hóa thay thế.
- d. Thu nhập của người đó.
- e. Độ co dãn của cung.

29. Bạn bỏ ra một giờ để đi mua sắm và đã mua một cái áo 100 nghìn đồng. Chi phí cơ hội của cái áo là:

- a. Một giờ.
- b. 100 nghìn đồng.
- c. Một giờ cộng 100 nghìn đồng.
- d. Phương án sử dụng thay thế tốt nhất một giờ và 100 nghìn đồng đó.
- e. Không câu nào đúng.

30. Hiệu suất tăng theo quy mô có nghĩa là:

- a. Tăng gấp đôi tất cả các yếu tố sẽ làm cho sản lượng tăng ít hơn hai lần.
- b. Tăng gấp đôi tất cả các yếu tố trừ một yếu tố sẽ làm cho sản lượng tăng ít hơn hai lần.
- c. Tăng gấp đôi tất cả các yếu tố sẽ làm cho sản lượng tăng đúng gấp đôi.
- d. Tăng gấp đôi tất cả các yếu tố sẽ làm cho sản lượng tăng nhiều hơn hai lần.
- e. Quy luật hiệu suất giảm dần không đúng nữa.

31. Nếu biết đường cầu của các cá nhân, ta có thể tìm ra cầu thị trường bằng cách:

- a. Cộng chiều dọc các đường cầu cá nhân lại.
- b. Cộng chiều ngang tất cả các đường cầu cá nhân lại.
- c. Lấy trung bình của các đường cầu cá nhân.
- d. Không thể làm được nếu không biết thu nhập của người tiêu dùng.
- e. Không câu nào đúng.

32. Tài nguyên khan hiếm nên:

- a. Phải trả lời các câu hỏi
- b. Phải thực hiện sự lựa chọn.
- c. Tất cả mọi người, trừ người giàu, đều phải thực hiện sự lựa chọn.
- d. Chính phủ phải phân bổ tài nguyên.
- e. Một số cá nhân phải nghèo.

33. Đường chi phí trung bình dài hạn là:

- a. Tổng của tất cả các đường chi phí trung bình ngắn hạn.
- b. Đường biên phía dưới của các đường chi phí trung bình ngắn hạn.
- c. Đường biên phía trên của các đường chi phí trung bình ngắn hạn.
- d. Nằm ngang.
- e. Không câu nào đúng.

34. Nếu giá của hàng hóa tăng và cầu về một hàng hóa khác tăng thì các hàng hóa đó là:

- a. Thú cáp.
- b. Bổ sung
- c. Thay thế.
- d. Bình thường.
- e. b và c.

35. Nâng hạn có thể sẽ:

- a. Làm cho người cung gạo sẽ dịch chuyển đường cung của họ lên một mức giá cao hơn.
- b. Gây ra cầu cao hơn về gạo dẫn đến một mức giá cao hơn.
- c. Làm cho người tiêu dùng giảm cầu của mình về gạo.
- d. Làm cho đường cung về gạo dịch chuyển sang trái và lên trên.
- e. Làm giảm giá các hàng hóa thay thế cho gạo.

36. Tăng cung sẽ làm giảm giá trừ khi:

- a. Cung là không co dãn hoàn toàn.
- b. Cầu là co dãn hoàn toàn.
- c. Sau đó lượng cầu tăng.
- d. Cầu không co dãn.
- e. Cả cầu và cung đều không co dãn.

37. Bốn trong số năm sự kiện được mô tả dưới đây có thể làm dịch chuyển đường cầu về thịt bò đến một vị trí mới. Một sự kiện sẽ không làm dịch chuyển đường cầu về thịt bò, đó là:

- a. Tăng giá một hàng hóa nào đó khác mà người tiêu dùng coi như hàng hóa thay thế cho thịt bò.
- b. Giảm giá thịt bò.

- c. Tăng thu nhập danh nghĩa của người tiêu dùng thịt bò.
- d. Chiến dịch quảng cáo rộng lớn của người sản xuất một hàng hóa cạnh tranh với thịt bò (ví dụ thịt lợn).
- e. Thay đổi trong thị hiếu của mọi người về thịt bò.

38. Sự khác nhau giữa ngắn hạn và dài hạn là:

- a. Trong ngắn hạn có hiệu suất không đổi nhưng trong dài hạn không có.
- b. Trong dài hạn tất cả các yếu tố đều vào có thể thay đổi được.
- c. Ba tháng.
- d. Trong ngắn hạn đường chi phí trung bình giảm dần, còn trong dài hạn thì nó tăng dần.
- e. a và b.

39. Nếu phần trăm thu nhập mà một cá nhân chi vào một hàng hóa giảm khi thu nhập của người đó tăng thì co dãn của cầu theo thu nhập:

- a. Lớn hơn 1
- b. Giữa 0 và 1
- c. 0
- d. Nhỏ hơn 0
- e. Không thể nói gì từ thông tin trên.

40. Yếu tố nào trong các yếu tố sau không làm dịch chuyển đường cầu về cà phê:

- a. Giá cà phê.
- b. Giá chè.
- c. Thu nhập của người tiêu dùng.
- d. Thời tiết.
- e. Tất cả các yếu tố trên.

41. Cho cung về thịt là cố định, giảm giá cá sẽ dẫn đến:

- a. Đường cầu về thịt dịch chuyển sang phải.
- b. Đường cầu về cá dịch chuyển sang phải.
- c. Đường cầu về cá dịch chuyển sang trái.
- d. Tăng giá thịt.
- e. Giảm giá thịt.

42. Lượng cầu nhạy cảm hơn đối với những thay đổi trong giá khí:

- a. Cung là không co dãn tương đối.
- b. Có nhiều hàng hóa thay thế được nó ở mức độ cao.
- c. Những người tiêu dùng là người hợp lý.
- d. Người tiêu dùng được thông tin tương đối tốt hơn về chất lượng của một hàng hóa nào đó.
- e. Tất cả đều đúng.

43. Khi thu nhập của người tiêu dùng tăng, ràng buộc ngân sách của người tiêu dùng:

- a. Dịch chuyển ra ngoài song song với đường ngân sách ban đầu.
- b. Quay và trở nên dốc hơn.
- c. Quay và trở nên thoải hơn.
- d. Dịch chuyển vào trong và song song với đường ngân sách ban đầu.

e. Không câu nào đúng.

44. Chủ đề cơ bản nhất mà kinh tế học vi mô phải giải quyết là:

- a. Thị trường
- b. Tiền
- c. Tìm kiếm lợi nhuận
- d. Cơ chế giá.
- e. Sự khan hiếm.

45. Nếu giá của hàng hóa giảm và cầu về một hàng hóa khác tăng thì các hàng hóa đó là:

- a. Thú cấp.
- b. Bổ sung
- c. Thay thế.
- d. Bình thường.
- e. b và c.

46. Để tối đa hóa lợi nhuận (hoặc tối thiểu hóa thua lỗ) hàng phải đảm bảo sản xuất ở mức sản lượng mà tại đó:

- a. Doanh thu cận biên giảm nhanh hơn chi phí cận biên.
- b. Chi phí trung bình đang tăng.
- c. Chi phí cận biên đang giảm.
- d. Doanh thu cận biên đang tăng.
- e. Doanh thu cận biên đang giảm.

47. Đường cung thị trường:

- a. Là tổng các đường cung của những người sản xuất lớn nhất trên thị trường.
- b. Luôn luôn dốc lên.
- c. Cho thấy cách thức mà nhóm các người bán sẽ ứng xử trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo.
- d. Là đường có thể tìm ra chỉ khi tất cả những người bán hành động như người ấn định giá.
- e. Là đường có thể tìm ra chỉ nếu thị trường là thị trường quốc gia.

48. Đường giới hạn khả năng sản xuất:

- a. Biểu thị lượng hàng hóa mà một hàng hay xã hội có thể sản xuất ra.
- b. Không phải là đường thẳng vì quy luật hiệu suất giảm dần.
- c. Minh họa sự đánh đổi giữa các hàng hóa.
- d. Tất cả đều đúng.
- e. Không câu nào đúng.

49. Sản phẩm cận biên của một yếu tố sản xuất là:

- a. Chi phí của việc sản xuất thêm một đơn vị sản phẩm.
- b. Sản phẩm bổ sung được tạo ra từ việc thuê thêm một đơn vị yếu tố sản xuất.
- c. Chi phí cần thiết để thuê thêm một đơn vị yếu tố sản xuất.
- d. Sản lượng chia cho số yếu tố sử dụng trong quá trình sản xuất.
- e. a và c.

50. Để tối đa hóa mức thỏa mãn, người tiêu dùng phải:

- a. Không mua hàng hóa cấp thấp.

- b. Làm cho lợi ích cận biên của đơn vị mua cuối cùng của các hàng hóa bằng nhau.
- c. Đảm bảo rằng giá của các hàng hóa tỷ lệ với tổng lợi ích của chúng.
- d. Phân bổ thu nhập sao cho đồng chi tiêu cuối cùng vào hàng hóa này đem lại phần lợi ích tăng thêm bằng đồng chi tiêu cuối cùng vào hàng hóa kia.
- e. Đảm bảo rằng giá của hàng hóa bằng lợi ích cận biên của tiền.

51. Trong nền kinh tế nào sau đây, Chính phủ giải quyết vấn đề cái gì được sản xuất ra, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai?

- a. Nền kinh tế thị trường.
- b. Nền kinh tế hỗn hợp.
- c. Nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung.
- d. Nền kinh tế truyền thống.
- e. Tất cả các nền kinh tế trên.

52. Khi giá tăng lượng cầu giảm dọc trên một đường cầu cá nhân vì:

- a. Các cá nhân thay thế bằng các hàng hóa và dịch vụ khác.
- b. Một số cá nhân rời bỏ thị trường.
- c. Một số cá nhân gia nhập thị trường.
- d. Lượng cung tăng.
- e. a và b.

53. Tăng cung hàng hóa X ở một mức giá xác định nào đó có thể do:

- a. Tăng giá của các hàng hóa khác.
- b. Tăng giá của các yếu tố sản xuất.
- c. Giảm giá của các yếu tố sản xuất.
- d. Không nắm được công nghệ.
- e. Không yếu tố nào trong các yếu tố trên.

54. Khi giá của một hàng hóa (biểu thị trên trực hoành) giảm thì ràng buộc ngân sách:

- a. Quay và trở nên thoải mái.
- b. Quay và trở nên dốc hơn.
- c. Dịch chuyển ra ngoài song song với ràng buộc ngân sách ban đầu.
- d. Dịch chuyển vào trong song song với ràng buộc ngân sách ban đầu.
- e. Không câu nào đúng.

55. Điều kiện cân bằng đối với người tiêu dùng là:

- a. Đường ngân sách là tiếp tuyến của đường hàng quan.
- b. Chi tiêu vào các hàng hóa bằng nhau.
- c. Lợi ích cận biên của mỗi hàng hóa bằng giá của nó.
- d. Lợi ích cận biên của các hàng hóa bằng nhau.
- e. a và c.

56. Nếu một hàng hóa được coi là “cấp thấp” thì:

- a. Giá của nó tăng, người ta sẽ mua nó ít đi.
- b. Giá của nó giảm, người ta sẽ mua nó nhiều hơn.
- c. Khi thu nhập của người tiêu dùng tăng, người ta sẽ mua hàng hóa đó ít đi.
- d. Khi thu nhập của người tiêu dùng giảm, người ta sẽ mua hàng hóa đó ít đi.

e. Nếu giá hoặc thu nhập thay đổi sẽ không gây ra sự thay đổi trong tiêu dùng hàng hóa đó.

57. Đường cầu của ngành dịch chuyển nhanh sang trái khi đường cung dịch chuyển sang phải, có thể hy vọng:

- a. Giá cũ vẫn thịnh hành.
- b. Lượng cũ vẫn thịnh hành.
- c. Giá và lượng cung tăng.
- d. Giá và lượng cung giảm.
- e. Giá và lượng cầu tăng.

58. Co dãn của cầu theo giá là:

- a. Thay đổi trong tổng doanh thu chia cho thay đổi trong giá.
- b. Không đổi đối với các đường cầu khác nhau bất kể hình dạng của chúng.
- c. Luôn luôn là co dãn, hoặc không co dãn, hoặc co dãn đơn vị trong suốt độ dài của đường cầu.
- d. Lượng cầu chia cho thay đổi trong giá.
- e. Thay đổi phần trăm trong lượng cầu chia cho thay đổi phần trăm trong giá.

59. Trong ngắn hạn hãng muốn tối đa hóa lợi nhuận (hoặc tối thiểu hóa thua lỗ) phải đảm bảo:

- a. Tổng chi phí trung bình cao hơn chi phí cận biên.
- b. Doanh thu trung bình cao hơn tổng chi phí trung bình.
- c. Tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí.
- d. Giá cao hơn chi phí biên đổi trung bình.
- e. Doanh thu trung bình lớn hơn chi phí trung bình.

60. Trong kinh tế học, “phân phối” đề cập đến:

- a. Bán lẻ, bán buôn và vận chuyển.
- b. Câu hỏi cái gì.
- c. Câu hỏi như thế nào.
- d. Câu hỏi cho ai.
- e. Không câu nào đúng.

61. Nếu biết các đường cầu cá nhân của mỗi người tiêu dùng thì có thể tìm ra đường cầu thị trường bằng cách:

- a. Tính lượng cầu trung bình ở mỗi mức giá.
- b. Cộng tất cả các mức giá lại.
- c. Cộng lượng mua ở mỗi mức giá của các cá nhân lại với nhau.
- d. Tính mức giá trung bình.
- e. Không câu nào đúng.

62. Ví dụ nào sau đây thuộc kinh tế học thực chứng:

- a. Thuế là quá cao.
- b. Tiết kiệm là quá thấp.
- c. Lãi suất thấp sẽ kích thích đầu tư.
- d. Phải giảm lãi suất để kích thích đầu tư.
- e. Ở các nước tư bản có quá nhiều sự bất bình đẳng kinh tế.

63. Khái niệm tính kinh tế theo quy mô có nghĩa là:

- a. Sản xuất nhiều loại sản phẩm khác nhau cùng với nhau sẽ rẻ hơn là sản xuất chúng riêng rẽ.
- b. Sản xuất số lượng lớn sẽ đắt hơn sản xuất số lượng nhỏ.
- c. Chi phí sản xuất trung bình thấp hơn khi sản xuất số lượng lớn hơn.
- d. Đường chi phí cận biên dốc xuống.
- e. c và d.

64. Nếu biết các đường cầu cá nhân của mỗi người tiêu dùng thì có thể tìm ra đường cầu thị trường bằng cách:

- a. Tính lượng cầu trung bình ở mỗi mức giá.
- b. Cộng tất cả các mức giá lại.
- c. Cộng lượng mua ở mỗi mức giá của các cá nhân lại với nhau.
- d. Tính mức giá trung bình.
- e. Không câu nào đúng.

65. Khi giá của một hàng hóa (biểu thị trên trực hoành) giảm thì ràng buộc ngân sách:

- a. Quay và trở nên thoái hơn.
- b. Quay và trở nên dốc hơn.
- c. Dịch chuyển ra ngoài song song với ràng buộc ngân sách ban đầu.
- d. Dịch chuyển vào trong song song với ràng buộc ngân sách ban đầu.
- e. Không câu nào đúng.

66. Giả sử rằng co dãn của cầu theo giá là $1/3$. Nếu giá tăng 30% thì lượng cầu sẽ thay đổi như thế nào?

- a. Lượng cầu tăng 10%
- b. Lượng cầu giảm 10%
- c. Lượng cầu tăng 90%
- d. Lượng cầu giảm 90%
- e. Lượng cầu không thay đổi.

67. Đối với hàng hóa bình thường, khi thu nhập tăng:

- a. Đường ngân sách dịch chuyển song song ra ngoài.
- b. Đường cầu dịch chuyển sang phải.
- c. Lượng cầu tăng.
- d. Chi nhiều tiền hơn vào hàng hóa đó.
- e. Tất cả đều đúng.

68. Giả định rằng không có tiết kiệm hay đi vay, và thu nhập của người tiêu dùng là cố định, ràng buộc ngân sách của người đó:

- a. Xác định tập hợp các cơ hội của người đó.
- b. Chỉ ra rằng tổng chi tiêu không thể vượt quá tổng thu nhập.
- c. Biểu thị lợi ích cận biên giảm dần.
- d. Tất cả.
- e. a và b.

69. Câu nào trong các câu sau sai? Giả định rằng đường cung dốc lên:

- a. Nếu đường cung dịch chuyển sang trái và đường cầu giữ nguyên, giá cân bằng sẽ tăng.
- b. Nếu đường cầu dịch chuyển sang trái và cung tăng, giá cân bằng sẽ tăng.
- c. Nếu đường cầu dịch chuyển sang trái và đường cung dịch chuyển sang phải, giá cân bằng sẽ giảm.
- d. Nếu đường cầu dịch chuyển sang phải và đường cung dịch chuyển sang trái, giá sẽ tăng.
- e. Nếu đường cung dịch chuyển sang phải và cầu giữ nguyên, giá cân bằng sẽ giảm.

70. Yếu tố nào dưới đây không phải là một yếu tố chi phí:

- a. Tiền lương của người lao động
- b. Thu nhập của chủ sở hữu doanh nghiệp
- c. Trợ cấp trong kinh doanh
- d. Tiền thuê đất
- e. Tất cả các yếu tố kể trên

71. Những yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng đến tổng cung dài hạn:

- a. Thu nhập quốc gia tăng
- b. Xuất khẩu tăng
- c. Đổi mới công nghệ
- d. Tiền lương tăng
- e. Không có yếu tố nào kể trên

72. Nếu ở Việt Nam, GDP lớn hơn GNP thì:

- a. GDP thực tế lớn hơn GDP danh nghĩa
- b. Giá trị sản xuất của người nước ngoài tạo ra ở Việt Nam nhiều hơn so với giá trị sản xuất mà người Việt Nam tạo ra ở nước ngoài
- c. Giá trị sản xuất mà người Việt Nam tạo ra ở nước ngoài nhiều hơn so với giá trị sản xuất mà người nước ngoài tạo ra ở Việt Nam
- d. GNP thực tế lớn hơn GDP danh nghĩa
- e. Tất cả đều sai

73. Một lý do làm cho đường tổng cầu có độ dốc âm là:

- a. Mọi người tìm thấy những hàng hóa thay thế khi giá cả của một mặt hàng mà họ đang tiêu dùng tăng
- b. Khi mức giá tăng, mọi người sẽ chuyển từ tiêu dùng hàng ngoại sang tiêu dùng hàng sản xuất trong nước.
- c. Dân cư trở nên khá giả hơn khi mức giá giảm và do đó sẵn sàng mua nhiều hàng hơn
- d. Mức giá thấp hơn làm tăng sức mua của lượng tiền mà mọi người đang nắm giữ, do đó họ sẽ tăng tiêu dùng
- e. Không có yếu tố nào kể trên

74. Xu hướng tiêu dùng cận biên được tính bằng:

- a. Sự thay đổi của tiêu dùng chia cho sự thay đổi của thu nhập khả dụng
- b. Tổng tiêu dùng chia cho sự thay đổi của thu nhập khả dụng

- c. Tổng tiêu dùng chia cho tổng thu nhập khả dụng
- d. Sự thay đổi của tiêu dùng chia cho tiết kiệm
- e. Sự thay đổi của tiêu dùng chia cho đầu tư

75. Hàm cầu tiền là hàm của:

- a. Nhu cầu thanh toán
- b. Thu nhập
- c. Lãi suất và thu nhập
- d. Tất cả các yếu tố trên
- e. Không phải các yếu tố trên

76. Tác động của CSTK mở sẽ dẫn đến cầu tiền tệ:

- a. Tăng và lãi suất giảm
- b. Giảm và lãi suất tăng
- c. Tăng và lãi suất tăng
- d. Giảm và lãi suất giảm
- e. Không đổi

77. Trên đồ thị, trục hoành ghi sản lượng quốc gia, trục tung ghi mức giá chung, đường tổng cầu AD dịch sang phải khi:

- a. Nhập khẩu và xuất khẩu tăng
- b. Chính phủ cắt giảm các khoản trợ cấp và giảm thuế
- c. Chính phủ tăng chi tiêu cho quốc phòng
- d. Các lựa chọn đều đúng
- e. Các lựa chọn đều sai

78. Mức sống của dân cư một nước có thể được phản ánh bằng chỉ tiêu:

- a. GDP thực tế
- b. GDP danh nghĩa bình quân đầu người
- c. GDP thực tế bình quân đầu người
- d. GDP danh nghĩa
- e. Tất cả đều đúng

79. Nếu mức giá tăng gấp đôi

- a. Lượng cầu tiền giảm một nửa
- b. Cung tiền bị cắt giảm một nửa
- c. Giá trị của tiền bị cắt giảm một nửa
- d. Thu nhập danh nghĩa không bị ảnh hưởng
- e. Các lựa chọn đều sai

80. Khi chính phủ tăng thuế đánh vào hàng tiêu dùng nhập khẩu

- a. Đường tổng cầu dịch chuyển sang trái
- b. Đường tổng cầu dịch chuyển sang phải
- c. Đường tổng cung dịch chuyển sang phải
- d. Đường tổng cung dịch chuyển sang trái
- e. Tất cả đều sai

81. Tiêu nào nhỏ nhất trong những chỉ tiêu đo lường sản lượng Quốc gia:

- a. Tổng sản phẩm quốc dân

- b. Sản phẩm quốc dân ròng
- c. Thu nhập quốc dân
- d. Thu nhập khả dụng
- e. Thu nhập cá nhân

82. Trong nền kinh tế giản đơn và nền kinh tế đóng:

- a. Tổng sản phẩm quốc dân nhỏ hơn tổng sản phẩm quốc nội
- b. Tổng sản phẩm quốc dân bằng tổng sản phẩm quốc nội
- c. Tổng sản phẩm quốc dân lớn hơn tổng sản phẩm quốc nội
- d. Tổng sản phẩm quốc dân và tổng sản phẩm quốc nội không có quan hệ gì với nhau.
- e. Không có câu nào đúng

83. Để giảm cung ứng tiền tệ, NHTW sử dụng các công cụ nào sau đây:

- a. Tăng dự trữ bắt buộc
- b. Bán trái phiếu Chính phủ trên thị trường mở
- c. Tăng lãi suất chiết khấu
- d. Tất cả
- e. Không có câu nào đúng

84. Yếu tố nào trong các yếu tố sau đây *ít có khả năng nhất* trong việc kích thích sự gia tăng đầu tư:

- a. Lãi suất giảm
- b. Chi tiêu cho tiêu dùng tăng
- c. Nhập khẩu tăng
- d. Cạn kiệt hàng tồn kho
- e. Tiến bộ công nghệ

85. Cân bằng dài hạn trong kinh tế học vĩ mô là điểm mà tại đó:

- a. Đường AD cắt đường AS ngắn hạn và đường AS dài hạn
- b. Đường AD cắt đường AS
- c. Đường AS cắt đường AS dài hạn
- d. Đường AD cắt đường AS dài hạn
- e. Tất cả

86. Yếu tố nào sau đây không phải là tính chất của GDP danh nghĩa:

- a. Tính theo giá hiện hành
- b. Tính theo giá cố định
- c. Đo lường cho toàn bộ sản phẩm cuối cùng
- d. Thường tính cho một năm
- e. Không tính giá trị của các sản phẩm trung gian

87. Lạm phát có thể được đo lường bằng tất cả các chỉ số sau đây trừ:

- a. Chỉ số giá hàng hóa thành phẩm
- b. Chỉ số điều chỉnh GDP
- c. Chỉ số giá tiêu dùng
- d. Chỉ số giá sản xuất
- e. Tất cả các lựa chọn đều được sử dụng để đo lường lạm phát

88. Nếu NHTW gia tăng cung ứng tiền tệ thì:

- a. Đường IS di chuyển, đường LM dịch chuyển
- b. Đường IS dịch chuyển, đường LM di chuyển
- c. Đường IS dịch chuyển và đường LM dịch chuyển
- d. Đường IS di chuyển và đường LM di chuyển
- e. Tất cả đều sai

89. Mở rộng tiền tệ (hoặc nới lỏng tiền tệ):

- a. Là một chính sách do NHTU thực hiện để kích cầu bằng cách giảm thuế, tăng trợ cấp xã hội, hoặc tăng chi tiêu ngân sách
- b. Là một chính sách do NHTU thực hiện để kích cầu bằng cách hạ lãi suất chiết khấu, giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hoặc mua các chứng khoán nhà nước
- c. Là một chính sách do NHTU thực hiện để kích cầu bằng cách tăng lãi suất chiết khấu, tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hoặc bán ra chứng khoán nhà nước
- d. Là một chính sách do NHTU thực hiện để kích cầu bằng cách phát hành trái phiếu chính phủ
- e. Tất cả đều sai

90. Sự gia tăng cung ứng tiền tệ khi mọi yếu tố khác không đổi, thì đường AD sẽ :

- a. Dịch chuyển sang trái
- b. Dịch chuyển sang phải
- c. Di chuyển lên trên
- d. Di chuyển xuống dưới
- e. Không đổi

91. Nếu GDP bình quân thực tế của năm 2000 là 18,073\$ và GDP bình quân thực tế của năm 2001 là 18,635\$ thì tỷ lệ tăng trưởng của sản lượng thực tế trong thời kỳ này là bao nhiêu?

- a. 3.0%
- b. 3.1%
- c. 5.62%
- d. 18.0%
- e. 18.6%

92. Trong mô hình IS - LM, nếu Chính phủ đồng thời áp dụng chính sách tài khóa mở và chính sách tiền tệ chặt, thì:

- a. Y chắc chắn tăng
- b. Lãi suất và thu nhập đều tăng
- c. Lãi suất chắc chắn tăng
- d. Tất cả đều đúng
- e. Tất cả đều sai

93. Khi nền kinh tế đang có lạm phát cao, nên:

- a. Giảm lượng cung tiền, tăng lãi suất
- b. Giảm chi ngân sách và tăng thuế
- c. Giảm lượng cung tiền, giảm lãi suất
- d. a và b

e. a và c

94. Khi thu nhập giảm xuống trong điều kiện lượng cung tiền không thay đổi, thì:

- a. Lãi suất cân bằng tăng lên
- b. Lãi suất cân bằng giảm
- c. Mức cầu tiền tệ tăng lên
- d. Mức cầu tiền tệ giảm xuống
- e. Lãi suất cân bằng không thay đổi

95. Thành phần nào sau đây thuộc lực lượng lao động:

- a. Học sinh trường trung học chuyên nghiệp
- b. Người nội trợ
- c. Sinh viên năm cuối
- d. Bộ đội xuất ngũ
- e. Không có câu nào đúng

96. Khối lượng tiền M1 bao gồm:

- a. Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, quỹ hỗ trợ của thị trường tiền tệ và các khoản tiền gửi có kỳ hạn lượng nhỏ
- b. Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các tài khoản viết séc khác
- c. Tiền mặt, tài khoản tiết kiệm và trái phiếu Chính phủ
- d. Tiền mặt, vàng, ngoại tệ
- e. Tiền mặt, vàng, ngoại tệ và trái phiếu Chính phủ

97. Tiết kiệm âm khi hộ gia đình:

- a. Tiêu dùng ít hơn thu nhập khả dụng
- b. Tiêu dùng nhiều hơn tiết kiệm
- c. Tiêu dùng nhiều hơn thu nhập khả dụng
- d. Tiết kiệm nhiều hơn tiêu dùng
- e. Tất cả đều sai

98. Để tính tốc độ tăng trưởng kinh tế giữa các thời kỳ, người ta sử dụng:

- a. Chỉ tiêu theo giá thị trường
- b. Chỉ tiêu danh nghĩa
- c. Chỉ tiêu thực
- d. Chỉ tiêu sản xuất
- e. Tất cả đều sai

99. Trên đồ thị, trực hoành ghi sản lượng quốc gia, trực tung ghi mức giá chung, đường tổng cầu AD dịch sang phải khi:

- a. Chính phủ tăng chi tiêu cho quốc phòng
- b. Nhập khẩu và xuất khẩu tăng
- c. Chính phủ cắt giảm các khoản trợ cấp và giảm thuế
- d. Các lựa chọn đều đúng
- e. Các lựa chọn đều sai

100. GDP thực tế đo lường theo mức giá....., còn GDP danh nghĩa đo lường theo mức giá.....

- a. Năm cơ sở, năm hiện hành

- b. Năm hiện hành, năm cơ sở
- c. Của hàng hóa trung gian, của hàng hóa cuối cùng
- d. Trong nước, quốc tế
- e. Không có câu nào đúng

101. Nếu một người thợ già mua một miếng da trị giá 100\$, một cuộn chỉ trị giá 50\$, và sử dụng chúng để sản xuất và bán những đôi giày trị giá 500\$ cho người tiêu dùng, giá trị đóng góp vào GDP là:

- a. 50\$
- b. 100\$
- c. 500\$
- d. 600\$
- e. 650\$

102. Sản lượng tiềm năng là mức sản lượng:

- a. Cao nhất của một Quốc gia đạt được
- b. Tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên
- c. Không gây ra lạm phát
- d. a và c
- e. Tất cả các điều kể trên

103. Yếu tố nào sau đây không phải là tính chất của GNP thực:

- a. Tính theo giá cố định
- b. Chỉ đo lường sản phẩm cuối cùng
- c. Tính cho một thời kỳ nhất định
- d. Không cho phép tính giá trị hàng hóa trung gian
- e. Tính theo giá hiện hành

104. Số nhân của tổng cầu phản ánh:

- a. Mức thay đổi trong đầu tư khi sản lượng thay đổi.
- b. Mức thay đổi trong tổng cầu khi sản lượng thay đổi 1 đơn vị.
- c. Mức thay đổi trong tổng chi tiêu khi sản lượng thay đổi 1 đơn vị.
- d. Mức thay đổi trong sản lượng khi tổng cầu tự định thay đổi 1 đơn vị
- e. Không câu nào đúng.

105. Khoản nào sau đây không được tính vào GDP của Việt Nam:

- a. Xe máy do hãng Honda sản xuất tại Việt Nam
- b. Bàn ghế do công ty Xuân Hòa sản xuất
- c. Giá trị chiếc máy khâu cũ mà một hộ gia đình bán đi
- d. Ngôi nhà mới xây dựng
- e. Tất cả

106. Một sự gia tăng trong nhập khẩu tự định sẽ:

- a. Dịch chuyển đường LM sang phải
- b. Dịch chuyển đường LM sang trái
- c. Dịch chuyển đường IS sang trái
- d. Dịch chuyển đường IS sang phải
- e. Không ảnh hưởng đến đường IS

107. Tác động của CSTK mở sẽ dẫn đến cầu tiền tệ:
- Giảm và lãi suất giảm
 - Tăng và lãi suất tăng
 - Tăng và lãi suất giảm
 - Giảm và lãi suất tăng
 - Không đổi
108. Trong mô hình AD - AS, đường tổng cầu phản ánh quan hệ giữa :
- Mức giá chung và GDP thực tế.
 - Mức giá chung và GDP danh nghĩa.
 - Tổng chi tiêu và GDP danh nghĩa
 - Tổng chi tiêu và GDP thực tế
 - Tất cả.
109. Nếu hai nước cùng khởi đầu với mức GDP bình quân đầu người như nhau, và một nước tăng trưởng với tốc độ 2%/năm còn một nước tăng trưởng 4%/năm
- Mức sống của nước có tốc độ tăng trưởng 4% sẽ tăng dần khoảng cách với mức sống của nước tăng trưởng chậm hơn do tăng trưởng kép
 - GDP bình quân của một nước sẽ luôn lớn hơn GDP bình quân của nước còn lại 2%
 - Mức sống của hai nước sẽ gấp nhau do quy luật lợi suất giảm dần đối với tư bản
 - Năm sau, kinh tế của nước tăng trưởng 4% sẽ lớn gấp hai lần nước tăng trưởng 2%.
 - Tất cả đều đúng
110. Thực hiện chính sách tài khóa chặt và tiền tệ chặt sẽ làm cho :
- Đường AS dịch chuyển sang trái
 - Đường AS dịch chuyển sang phải
 - Đường AD dịch chuyển sang phải
 - Đường AD dịch chuyển sang trái
 - Đường AD dịch chuyển sang phải và đường AS dịch chuyển sang phải
111. GNP đo lường giá trị sản xuất và thu nhập được tạo ra bởi:
- Những người lao động và các nhà máy đặt trên lãnh thổ Việt Nam
 - Những người lao động và các nhà máy đặt ở nước ngoài
 - Công dân Việt Nam và các nhà máy mà họ sở hữu bất kể chúng được đặt ở đâu trên thế giới
 - Riêng khu vực dịch vụ trong nước
 - Riêng khu vực chế tạo trong nước
112. Khi thu nhập tăng, tổng chi tiêu:
- Giảm
 - Tăng
 - Không thay đổi
 - Tăng hay giảm phụ thuộc vào sự thay đổi của giá cả hàng hóa.
 - Tăng hay giảm phụ thuộc vào sự thay đổi của các yếu tố khác ngoài giá cả hàng hóa.

113. Các nhà kinh tế học cổ điển cho rằng đường tổng cung AS:
- AS nằm ngang
 - AS dốc lên
 - AS nằm ngang khi $Y < Y^*$ và thẳng đứng khi $Y = Y^*$
 - Thẳng đứng tại mức sản lượng tiềm năng
 - Tất cả đều sai
114. Tiền là:
- Một loại tài sản có thể được sử dụng để thực hiện các giao dịch
 - Những đồng tiền xu và tiền giấy trong tay dân chúng
 - Tiền gửi có thể viết séc tại các Ngân hàng thương mại
 - Cái mà nhà nước gọi là tiền
 - Tất cả
115. Nhiều nước Đông Á đang tăng trưởng rất nhanh vì:
- Họ có nguồn tài nguyên dồi dào
 - Họ đã giành một tỷ lệ rất lớn của GDP cho tiết kiệm và đầu tư
 - Họ là các nước đế quốc và đã vơ vét được của cải từ chiến thắng trước đây trong chiến tranh
 - Họ đã luôn luôn giàu có và sẽ tiếp tục giàu có, điều này vẫn được biết đến như là “nước chảy chỗ trũng”
 - Không có câu trả lời nào đúng
116. Trong một nền kinh tế đóng:
- Chi tiêu cho tiêu dùng bằng tiết kiệm
 - Chi tiêu cho tiêu dùng bằng chi tiêu cho đầu tư
 - Cán cân ngân sách nhà nước bằng với lượng thuế mà Chính phủ thu được
 - Cán cân ngân sách nhà nước nhỏ hơn lượng thuế mà Chính phủ thu được
 - Chi tiêu cho đầu tư bằng tiết kiệm của nền kinh tế
117. Khoảng cách dịch chuyển của đường IS được xác định bằng:
- Mức thay đổi của I , G hoặc X nhân với số nhân
 - Mức thay đổi của I , G , X và tổng cầu
 - Mức thay đổi của I , G , X
 - Mức thay đổi của $I + G + X$ nhân với số nhân
 - Tất cả đều sai
118. Khi nền kinh tế đạt được mức toàn dụng, điều đó có nghĩa là:
- Không còn lạm phát
 - Không còn thất nghiệp
 - Vẫn còn tồn tại một tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp
 - Không còn lạm phát nhưng vẫn tồn tại một tỷ lệ thất nghiệp
 - Các lựa chọn đều sai
119. Yếu tố nào sau đây không phải là tính chất của GDP danh nghĩa:
- Tính theo giá thị trường
 - Tính theo giá cố định
 - Tính theo giá thị trường

- d. Đo lường cho toàn bộ sản phẩm cuối cùng
 - e. Thường tính cho một năm
 - f. Không tính giá trị của các sản phẩm trung gian
120. Chỉ tiêu nào nhỏ nhất trong những chỉ tiêu đo lường sản lượng Quốc gia:
- a. Tổng sản phẩm quốc dân
 - b. Sản phẩm quốc dân ròng
 - c. Thu nhập quốc dân
 - d. Thu nhập khả dụng
 - e. Thu nhập cá nhân
121. Trong nền kinh tế mở:
- a. Tổng sản phẩm quốc dân bằng tổng sản phẩm quốc nội
 - b. Tổng sản phẩm quốc dân nhỏ hơn tổng sản phẩm quốc nội
 - c. Tổng sản phẩm quốc dân và tổng sản phẩm quốc nội khác nhau ở phần thu nhập tài sản ròng ở nước ngoài
 - d. Tổng sản phẩm quốc dân lớn hơn tổng sản phẩm quốc nội
 - e. Tất cả đều sai
122. Giả sử cho hàm cầu tiền là $MD = 200 - 100i + 20Y$, hàm MS = 400. Vậy phương trình đường LM:
- a. $i = 6 + 0,2Y$
 - b. $i = -2 + 0,2Y$
 - c. $i = -2 - 0,2Y$
 - d. $i = 2 + 0,2Y$
 - e. $i = 2 - 0,2Y$
123. Để giảm cung ứng tiền tệ, NHTW sử dụng các công cụ nào sau đây:
- a. Tăng dự trữ bắt buộc
 - b. Bán trái phiếu Chính phủ trên thị trường mở
 - c. Tăng lãi suất chiết khấu
 - d. a và c
 - e. Tất cả đều đúng
124. Nếu NHTW gia tăng cung ứng tiền tệ thì:
- a. Đường IS di chuyển, đường LM dịch chuyển
 - b. Đường IS dịch chuyển, đường LM di chuyển
 - c. Đường IS dịch chuyển và đường LM dịch chuyển
 - d. Đường IS di chuyển và đường LM di chuyển
 - e. Đường IS và LM không đổi.
125. Chính sách giảm thuế của chính phủ sẽ làm:
- a. Tăng tổng cầu và lãi suất giảm
 - b. Giảm tổng cầu và lãi suất tăng
 - c. Giảm tổng cầu vì thu nhập khả dụng tăng
 - d. Tăng tổng cầu do thu nhập khả dụng tăng
 - e. Tất cả đều sai
126. Nếu ngân hàng trung ương lạm cho lượng cung tiền gia tăng:

- a. Đường IS dịch chuyển sang phải.
 - b. Đường IS dịch chuyển sang trái.
 - c. Đường LM dịch chuyển sang trái.
 - d. Chỉ có sự di chuyển dọc trên đường LM.
 - e. Đường LM dịch chuyển sang phải.
127. Chính sách gia tăng thuế của chính phủ sẽ:
- a. Dẫn đến đường IS dịch chuyển sang trái và đường LM dịch chuyển sang trái
 - b. Dẫn đến đường IS dịch chuyển sang phải.
 - c. Dẫn đến đường IS dịch chuyển sang trái.
 - d. Không ảnh hưởng đến đường IS.
 - e. Có sự di chuyển dọc đường IS.
128. Yếu tố nào sau đây không phải là tính chất của GNP thực:
- a. Tính theo giá cố định
 - b. Chỉ đo lường sản phẩm cuối cùng
 - c. Tính theo giá hiện hành
 - d. Tính cho một thời kỳ nhất định
 - e. Không cho phép tính giá trị hàng hóa trung gian
129. Trong nền kinh tế giản đơn và nền kinh tế đóng:
- a. Tổng sản phẩm quốc dân nhỏ hơn tổng sản phẩm quốc nội
 - b. Tổng sản phẩm quốc dân lớn hơn tổng sản phẩm quốc nội
 - c. Tổng sản phẩm quốc dân và tổng sản phẩm quốc nội không có quan hệ gì với nhau.
 - d. Tổng sản phẩm quốc dân bằng tổng sản phẩm quốc nội
 - e. Sự thay đổi của tiêu dùng chia cho tiết kiệm
130. “Điểm vừa đủ” trên đường tiêu dùng:
- a. Tiêu dùng của các hộ gia đình bằng đầu tư
 - b. Tiết kiệm của các hộ gia đình bằng đầu tư
 - c. Tiêu dùng của các hộ gia đình bằng tiết kiệm
 - d. Tiêu dùng bằng với thu nhập khả dụng
 - e. Tiêu dùng của các hộ gia đình lớn hơn tiết kiệm
131. Khối lượng tiền M1 bao gồm:
- a. Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, quỹ hỗ trợ của thị trường tiền tệ và các khoản tiền gửi có kỳ hạn lượng nhỏ
 - b. Tiền mặt, tài khoản tiết kiệm và trái phiếu Chính phủ
 - c. Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các tài khoản viết séc khác
 - d. Tiền mặt, vàng, ngoại tệ
 - e. Tất cả đều sai
132. Yếu tố nào có thể ảnh hưởng đến cầu tiền giao dịch và dự phòng:
- a. Giá cả của hàng hóa
 - b. Tốc độ lưu thông tiền tệ nhanh
 - c. Lãi suất
 - d. Thu nhập

- e. Không phải những điều kể trên
133. Số nhân tiền có mối quan hệ:
- Tỷ lệ nghịch với tỷ lệ tiền mặt so với tiền gửi có thể viết séc
 - Tỷ lệ nghịch với tỷ lệ dự trữ quá mức
 - Tỷ lệ nghịch với tỷ lệ dự trữ bắt buộc
 - Tất cả đều sai
 - Tất cả đều đúng
134. Trong mô hình IS-LM, chính sách tài chính mở rộng dẫn đến
- Đường IS dịch chuyển sang phải.
 - Lãi suất tăng, đầu tư giảm.
 - Sản lượng tăng và lãi suất giảm.
 - Đường IS dịch chuyển sang trái và lãi suất giảm, đầu tư tăng.
 - Đường IS dịch chuyển sang phải và lãi suất tăng, đầu tư giảm.
135. Câu nào dưới đây không đúng ?
- Đường IS có độ dốc càng nhỏ thì chính sách tài khóa càng tác động mạnh đến sản lượng.
 - Đường LM có độ dốc càng nhỏ thì chính sách tài khóa càng tác động mạnh đến sản lượng.
 - Đường IS có độ dốc càng lớn thì chính sách tài khóa càng tác động mạnh đến sản lượng.
 - Đường LM có độ dốc càng nhỏ thì chính sách tiền tệ càng tác động mạnh đến sản lượng.
 - Đường IS có độ dốc càng nhỏ thì chính sách tiền tệ càng tác động mạnh đến sản lượng.
136. Giả sử hàm cầu tiền thực tế có dạng: $MD = 1000 - 100i$. Trong đó i là lãi suất tính bằng phần trăm. Cung tiền danh nghĩa là 1200, mức giá là 2. Cung tiền thực tế và lãi suất cân bằng là:
- $MS = 600$ và $i = 5\%$
 - $MS = 600$ và $i = 4\%$
 - $MS = 600$ và $i = 10\%$
 - $MS = 60$ và $i = 15\%$
 - $MS = 60$ và $i = 10\%$
137. Khoản nào trong các khoản chi tiêu sau của chính phủ được coi là một phần của GDP?
- Mua vũ khí quân sự
 - Mua vũ khí quân sự, làm đường và cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục
 - Làm đường và cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục
 - Trợ cấp xã hội cho người cao tuổi
 - Trợ cấp thất nghiệp
138. Sự gia tăng cung ứng tiền tệ khi mọi yếu tố khác không đổi, thì đường AD sẽ:
- Dịch chuyển sang trái
 - Dịch chuyển sang phải

- c. Di chuyển lên trên
- d. Di chuyển xuống dưới
- e. Không đổi

139. Trong mô hình IS - LM, nếu Chính phủ đồng thời áp dụng CSTK mở và CTTT chặt, thì:

- a. Y chắc chắn tăng
- b. Lãi suất và thu nhập đều tăng
- c. Lãi suất chắc chắn tăng
- d. Lãi suất và thu nhập đều giảm
- e. Tất cả đều sai

140. Khi thu nhập giảm xuống trong điều kiện lượng cung tiền không thay đổi, thì:

- a. Mức cầu tiền tệ tăng lên
- b. Mức cầu tiền tệ giảm xuống
- c. Lãi suất cân bằng giảm
- d. Lãi suất cân bằng tăng lên
- e. Lãi suất cân bằng không thay đổi

141. Nếu ở Việt Nam, GDP lớn hơn GNP thì:

- a. Giá trị sản xuất của người nước ngoài tạo ra ở Việt Nam nhiều hơn so với giá trị sản xuất mà người Việt Nam tạo ra ở nước ngoài
- b. Giá trị sản xuất mà người Việt Nam tạo ra ở nước ngoài nhiều hơn so với giá trị sản xuất mà người nước ngoài tạo ra ở Việt Nam
- c. GDP thực tế lớn hơn GDP danh nghĩa
- d. GNP thực tế lớn hơn GNP danh nghĩa
- e. Không thể kết luận về mối quan hệ giữa GDP và GNP

142. Nếu đường IS có dạng thẳng đứng thì

- a. Chính sách tiền tệ không tác động đến sản lượng.
- b. Chính sách tiền tệ tác động mạnh đến sản lượng.
- c. Chính sách tiền tệ không tác động đến sản lượng và chính sách tài chính tác động mạnh đến sản lượng.
- d. Chính sách tài chính tác động mạnh đến sản lượng.
- e. Tất cả đều sai

143. Biện pháp cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc sẽ:

- a. Tăng số nhân tiền tệ
- b. Giảm số nhân tiền tệ
- c. Tăng dự trữ bắt buộc
- d. Giảm dự trữ bắt buộc
- e. Không phải những điều kể trên

144. Thị trường hàng hóa và tiền tệ của một nền kinh tế đóng được mô tả như sau:

$$\text{Tiêu dùng } C = 200 + 0,75(Y - T) \quad \text{Cung tiền thực tế } MS = 600$$

$$\text{Đầu tư: } I = 225 - 25i \quad \text{Cầu tiền thực tế } MD = Y - 100i$$

$$\text{Chi tiêu của chính phủ: } G = 75$$

$$\text{Thuế ròng: } T = 100$$

Phương trình biểu diễn đường IS và LM lần lượt là:

- a. $Y = 600 + 100i$ và $Y = 1700 - 100i$
- b. $Y = 1700 - 100i$ và $Y = 600 + 100i$
- c. $Y = 1700 + 100i$ và $Y = 600 - 100i$
- d. $Y = 1700 + 100i$ và $Y = 600 + 100i$
- e. Không có câu nào đúng

145. Trong mô hình IS -LM, khi sản lượng thấp hơn mức tiềm năng, chính phủ nên áp dụng

- a. Chính sách tài chính mở rộng.
- b. Chính sách tiền tệ mở rộng.
- c. Chính sách tài chính mở rộng hoặc chính sách tiền tệ mở rộng hoặc kết hợp cả chính sách tài chính mở rộng và chính sách tiền tệ mở rộng.
- d. Kết hợp chính sách tài chính mở rộng và chính sách tiền tệ mở rộng.
- e. Tất cả đều sai

146. Khi chính phủ tăng thuế, điều gì sẽ xảy ra?

- a. Giảm tiêu dùng, tăng đầu tư và giảm lãi suất thực tế
- b. Tăng tiêu dùng, giảm đầu tư và tăng lãi suất thực tế
- c. Tăng tiêu dùng, tăng đầu tư và tăng lãi suất thực tế
- d. Giảm tiêu dùng, giảm đầu tư và giảm lãi suất thực tế
- e. Cả tiêu dùng, đầu tư và lãi suất thực tế đều tăng.

147. Thị trường hàng hóa và tiền tệ của một nền kinh tế đóng được mô tả như sau:

$$\text{Tiêu dùng } C = 200 + 0,75(Y - T) \quad \text{Cung tiền danh nghĩa } MS = 1000$$

$$\text{Đầu tư: } I = 225 - 25i \quad \text{Cầu tiền thực tế } MD = Y - 100i$$

$$\text{Chi tiêu của chính phủ: } G = 75 \quad \text{Mức giá } P = 2$$

$$\text{Thuế ròng: } T = 100$$

Mức thu nhập và lãi suất cân bằng là:

- a. $Y = 1100$ và $i = 6\%$
- b. $Y = 1000$ và $i = 6\%$
- c. $Y = 100$ và $i = 16\%$
- d. $Y = 100$ và $i = 5\%$
- e. $Y = 100$ và $i = 10\%$

148. Khối lượng tiền M1 bao gồm:

- a. Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, quỹ hỗ trợ của thị trường tiền tệ và các khoản tiền gửi có kỳ hạn lượng nhỏ
- b. Tiền mặt, tài khoản tiết kiệm và trái phiếu Chính phủ
- c. Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các tài khoản viết séc khác
- d. Tiền mặt, vàng, ngoại tệ
- e. Không có câu nào đúng

149. Số nhân tiền có mối quan hệ:

- a. Tỷ lệ nghịch với tỷ lệ tiền mặt so với tiền gửi có thể viết séc
- b. Tỷ lệ nghịch với tỷ lệ dự trữ quá mức
- c. Tỷ lệ nghịch với tỷ lệ dự trữ bắt buộc

- d. a và c
 - e. Tất cả đều đúng
150. Yếu tố nào sau đây không phải là tính chất của GNP thực:
- a. Chỉ đo lường sản phẩm cuối cùng
 - b. Tính cho một thời kỳ nhất định
 - c. Không cho phép tính giá trị hàng hóa trung gian
 - d. Tính theo giá cố định
 - e. Tính theo giá hiện hành
151. Trong một nền kinh tế đóng:
- a. Chi tiêu cho tiêu dùng bằng tiết kiệm
 - b. Chi tiêu cho đầu tư bằng tiết kiệm của nền kinh tế
 - c. Chi tiêu cho tiêu dùng bằng chi tiêu cho đầu tư
 - d. Cán cân ngân sách nhà nước bằng với lượng thuế mà Chính phủ thu được
 - e. Cán cân ngân sách nhà nước lớn hơn lượng thuế mà Chính phủ thu được
152. Đường tổng cầu phản ánh mối quan hệ giữa tổng chi tiêu của nền kinh tế và thu nhập quốc dân:
- a. Tại một mức giá cho trước
 - b. Tại một mức sản lượng nhất định
 - c. Tại một tỷ lệ thất nghiệp nhất định
 - d. Khi giá cả thay đổi để cân bằng thị trường hàng hóa
 - e. Tại một mức tiêu dùng nhất định
153. Những trường hợp nào sau đây có thể tạo ra những áp lực lạm phát
- a. Cán cân thanh toán thặng dư trong một thời gian dài
 - b. Giá của các nguyên liệu nhập khẩu chủ yếu gia tăng nhiều
 - c. Một phần lớn các thâm hụt ngân sách được tài trợ bởi ngân hàng trung ương
 - d. a và b
 - e. Các lựa chọn đều đúng.
154. Khi mọi yếu tố khác không đổi, lượng cầu tiền tệ lớn hơn khi:
- a. Lãi suất cao hơn
 - b. Lãi suất thấp hơn
 - c. Chi phí cơ hội của việc giữ tiền cao hơn
 - d. Mức giá thấp hơn
 - e. Mức giá cao hơn
155. Theo mô hình IS – LM, điều gì sẽ xảy ra đối với thu nhập, lãi suất, tiêu dùng và đầu tư khi chính phủ tăng thuế
- a. Thu nhập và lãi suất giảm, tiêu dùng và đầu tư tăng.
 - b. Thu nhập và lãi suất tăng, tiêu dùng giảm và đầu tư tăng.
 - c. Thu nhập tăng và lãi suất giảm, tiêu dùng giảm và đầu tư tăng.
 - d. Thu nhập và lãi suất giảm, tiêu dùng giảm và đầu tư tăng.
 - e. Không có câu nào đúng
156. Yếu tố nào dưới đây không phải là một yếu tố chi phí:
- a. Thu nhập của chủ sở hữu doanh nghiệp

- b. Trợ cấp trong kinh doanh
 - c. Tiền lương của người lao động
 - d. Tiền thuê đất
 - e. Tiền lãi
157. Chính sách nào sau đây của chính phủ thất bại đối với việc giảm tỷ lệ thất nghiệp?
- a. Giảm trợ cấp thất nghiệp
 - b. Thiết lập các cơ quan việc làm
 - c. Thiết lập chương trình đào tạo công nhân
 - d. Phê chuẩn luật về quyền lao động
 - e. Tăng tiền lương tối thiểu
158. Thị trường hàng hóa và tiền tệ của một nền kinh tế đóng được mô tả như sau:
- | | |
|-----------------------------------|----------------------------------|
| Tiêu dùng $C = 200 + 0,75(Y - T)$ | Cung tiền danh nghĩa MS = 1000 |
| Đầu tư: $I = 225 - 25i$ | Cầu tiền thực tế MD = $Y - 100i$ |
| Chi tiêu của chính phủ: $G = 75$ | Mức giá P = 4 |
| Thuế ròng: $T = 100$ | |
159. Mức thu nhập và lãi suất cân bằng là:
- a. $Y = 97,5$ và $i = 6\%$
 - b. $Y = 97,5$ và $i = 7\%$
 - c. $Y = 97,5$ và $i = 8\%$
 - d. $Y = 9750$ và $i = 7,25\%$
 - e. $Y = 975$ và $i = 7,25\%$
160. Nếu lạm phát trong thực tế lớn hơn so với mức mà mọi người kỳ vọng, thì:
- a. Của cải được tái phân phối từ người cho vay sang người đi vay
 - b. Của cải được tái phân phối từ người đi vay sang người cho vay
 - c. Không có sự tái phân phối nào xảy ra
 - d. Lãi suất thực tế không bị ảnh hưởng
 - e. Không câu nào đúng
161. Khi thu nhập giảm xuống trong điều kiện lượng cung tiền không thay đổi, thì:
- a. Mức cầu tiền tệ tăng lên
 - b. Mức cầu tiền tệ giảm xuống
 - c. Lãi suất cân bằng giảm
 - d. Lãi suất cân bằng tăng lên
 - e. Lãi suất cân bằng không thay đổi
162. Di chuyển của đường tổng cầu do:
- a. Cung tiền thay đổi
 - b. Thuế thay đổi
 - c. Chi tiêu Chính phủ thay đổi
 - d. Đầu tư ròng thay đổi
 - e. Không phải các điều kể trên
163. Khoảng cách dịch chuyển của đường IS được xác định bằng:
- a. Mức thay đổi của I, G hoặc X nhân với số nhân
 - b. Mức thay đổi của I, G, X

- c. Mức thay đổi của $I + G + X$
 - d. Mức thay đổi của $I + G + X$ nhân với số nhân
 - e. Tất cả đều sai
164. Trong nền kinh tế mở:
- a. Tổng sản phẩm quốc dân bằng tổng sản phẩm quốc nội
 - b. Tổng sản phẩm quốc dân nhỏ hơn tổng sản phẩm quốc nội
 - c. Tổng sản phẩm quốc dân và tổng sản phẩm quốc nội khác nhau ở phần thu nhập tài sản ròng ở nước ngoài
 - d. Tổng sản phẩm quốc dân lớn hơn tổng sản phẩm quốc nội
 - e. Không có câu nào đúng.

II. Một số bài tập

Bài 1. Có tài liệu về lượng cung, cầu theo giá của hàng X như sau:

Giá (Ngđ/SP)	20	22	24	26	28	30	32	34	36
Lượng cung (SP/ Ngày)	80	100	120	140	160	180	200	220	240
Lượng cầu (SP/ Ngày)	280	250	220	190	160	130	100	70	40

Yêu cầu:

1. Tìm phương trình cung, cầu của mặt hàng X. Xác định sản lượng và giá cân bằng trên thị trường của hàng X.
2. Tính thặng dư tiêu dùng và thặng dư sản xuất. Vẽ đồ thị minh họa.
3. Tính hệ số co dãn của cầu theo giá tại điểm cân bằng và trong khoảng giá 34 – 36. Cho biết ý nghĩa?
4. Nếu Chính phủ đánh thuế ở mức cố định 4 Ngđ/SP bán ra thì giá, sản lượng cân bằng sẽ thay đổi như thế nào? Vẽ đồ thị minh họa.
5. Nếu Chính phủ quy định giá sàn của hàng X là 30 Ngđ/SP thì tình trạng của thị trường hàng X như thế nào? Giá và sản lượng trao đổi thực tế trên thị trường bằng bao nhiêu? Minh họa tình trạng này trên đồ thị
6. Nếu Chính phủ quy định giá trần của hàng X là 24 Ngđ/SP thì tình trạng của thị trường hàng X như thế nào? Giá và sản lượng trao đổi thực tế trên thị trường bằng bao nhiêu? Minh họa tình trạng này trên đồ thị.
7. Nếu Chính phủ trợ cấp 1 Ngđ/sp bán ra thì giá, sản lượng cân bằng sẽ thay đổi như thế nào? Vẽ đồ thị minh họa.
8. Nếu cầu về sản phẩm tăng thêm 5sp tại mỗi mức giá thì giá và sản lượng cân bằng thay đổi như thế nào? Vẽ đồ thị minh họa.

Bài 2. Một người tiêu dùng có hàm lợi ích đối với 2 mặt hàng X và Y là $TU = 25.X.(Y + 4)$; Giá mặt hàng X là 10 Ngđ/kg và giá mặt hàng Y là 8 Ngđ/kg.

Yêu cầu:

1. Vẽ các đường bàng quan $TU = 15.000$. Tính tỷ lệ thay thế cận biên giữa hai hàng hóa X và Y. Cho biết ý nghĩa giá trị tìm được.
2. Vẽ đường ngân sách 400 Ngđ.
3. Để tối đa hóa lợi ích thì người này sẽ mua và tiêu dùng bao nhiêu hàng X và bao nhiêu hàng Y khi ngân sách tiêu dùng hai mặt hàng này là 448 Ngđ; Tính lợi ích tối đa đạt được, thể hiện kết quả trên đồ thị.

4. Nếu giá mặt hàng Y tăng 25% thì người này sẽ tiêu dùng như thế nào để đạt được lợi ích tối đa, tính lợi ích tối đa đạt được. Tìm hàm cầu của người này đối với hai mặt hàng Y khi Px,I cố định, biểu diễn đường cầu trên đồ thị.

Bài 3. Một doanh nghiệp có hàm sản xuất: $Q = 5.L.(K - 4)$

Chi phí cho một đơn vị lao động là $w = 20$ và cho một đơn vị vốn là $r = 30$.

Yêu cầu:

1. Vẽ đường đẳng phí $TC = 450$ và xác định độ dốc của chúng, Cho nhận xét;
2. Vẽ đường đẳng lượng $Q = 100$; Tính tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên giữa K và L.
3. Tính chi phí thấp nhất khi doanh nghiệp muốn sản lượng sản xuất là $Q = 100$ sản phẩm. Thể hiện kết quả trên đồ thị.
4. Với chi phí 450 thì sản lượng tối đa đạt được là bao nhiêu? Minh họa bằng đồ thị.

Bài 4: Cầu thị trường về 1 loại sản phẩm là: $P = 500 - Q$. Một doanh nghiệp cung cấp với hàm chi phí: $TC = Q^2 + 20Q + 5000$ (TC : Trđ; Q : NgSP, p : Ngđ/SP).

Yêu cầu:

1. Xác định chi phí cố định, chi phí biến đổi, chi phí bình quân, chi phí biến đổi bình quân của doanh nghiệp.
2. Hãy xác định giá và sản lượng tối đa hoá lợi nhuận cho doanh nghiệp. Tính lợi nhuận tối đa đạt được.
3. Hãy xác định giá và sản lượng tối đa hoá doanh thu cho doanh nghiệp. Tính lợi nhuận đạt được.
3. Nếu doanh nghiệp này muốn đạt mục tiêu doanh thu càng lớn càng tốt ở mức lợi nhuận là 10.000 Trđ thì doanh nghiệp sẽ lựa chọn sản lượng và giá bán là bao nhiêu?

Bài 5. Một nền kinh tế đóng có tiêu dùng tối thiểu là 1.000, xu hướng tiêu dùng biên là 0,7; Đầu tư của các doanh nghiệp cố định ở mức 2.000. Chi tiêu của Chính phủ dự kiến là 2.000 và được tài trợ bởi thuế $T = 0,1Y$.

Yêu cầu:

1. Xác định hàm tổng cầu và sản lượng cân bằng của nền kinh tế. Vẽ đồ thị minh họa.
2. Tính tiêu dùng, tiết kiệm của nền kinh tế tại mức sản lượng cân bằng? Xác định trạng thái của ngân sách nhà nước.
3. Nếu xu hướng tiêu dùng biên tăng 10% thì tổng cầu, sản lượng cân bằng, tiêu dùng, tiết kiệm của nền kinh tế thay đổi như thế nào?
4. Nếu thuế suất giảm đi 20% thì tổng cầu, sản lượng cân bằng, tiêu dùng, tiết kiệm của nền kinh tế thay đổi như thế nào?
5. Nếu chi tiêu của Chính phủ là 2.000 và được tài trợ toàn bộ bởi thuế không phụ thuộc vào thu nhập, tính sự thay đổi của tổng cầu, sản lượng cân bằng, tiêu dùng và tiết kiệm của nền kinh tế./.

Bài 6: Một nền kinh tế mở có tiêu dùng tối thiểu là 1.000, xu hướng tiêu dùng biên là 0,7; Đầu tư của các doanh nghiệp cố định ở mức 2.000. Chi tiêu của Chính phủ dự kiến là 3.000 và được tài trợ toàn bộ bởi thuế $T = 0,1Y$; xu hướng nhập khẩu biên là 0,2 và xuất khẩu dự kiến 2.000

Yêu cầu:

1. Xác định hàm tổng cầu; sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu của nền kinh tế. Vẽ đồ thị minh họa.
2. Nếu xu hướng tiêu dùng biên giảm 10% thì tiêu dùng, tiết kiệm của nền kinh tế thay đổi như thế nào?

3. Nếu xu hướng nhập khẩu biên tăng 20%, tính tiêu dùng, tiết kiệm của nền kinh tế?./.
6. Nếu chi tiêu của Chính phủ là 2.000 và được tài trợ toàn bộ bởi thuế không phụ thuộc vào thu nhập, tính sự thay đổi của tổng cầu, sản lượng cân bằng, tiêu dùng và tiết kiệm của nền kinh tế./.

Bài 7. Giả sử một nền kinh tế được biểu diễn bởi những thông số sau

$$C = 250 + 0,6Yd.$$

$$T = 0,1Y$$

$$I = 200 - 10i + 0,2Y$$

$$MD = 40 + 0,1Y - 10i$$

$$G = 400$$

$$\text{Mức cung tiền danh nghĩa bằng } 600$$

$$P = 4$$

$$\text{Mức giá chung } P = 4$$

Yêu cầu:

1. Viết phương trình đường IS và LM, Xác định mức thu nhập và mức lãi suất cân bằng của nền kinh tế? Vẽ đồ thị.
2. Nếu chi tiêu của Chính phủ giảm đi 50, mức lãi suất và mức thu nhập cân bằng mới của nền kinh tế bằng bao nhiêu? Nhận xét về chính sách tài khoá và sử dụng đồ thị minh họa.
3. Giả sử G không đổi nhưng Ngân hàng trung ương tăng cung ứng tiền tệ thực tế thêm 100. Xác định mức lãi suất và thu nhập cân bằng mới? Nhận xét về chính sách tiền tệ và sử dụng đồ thị minh họa.

Bài 8. Một nền kinh tế được biểu diễn bởi những thông số sau

$$C = 200 + 0,8Yd.$$

$$I = 200 - 10i + 0,1Y$$

$$G = 400$$

$$T = 50 + 0,1Y$$

$$X = 200$$

$$IM = 0,15Y$$

$$MD = 200 + 0,1Y - 20i$$

$$MS = 400$$

Yêu cầu:

1. Viết phương trình đường IS và LM? Xác định mức thu nhập và mức lãi suất cân bằng của nền kinh tế? Vẽ đồ thị minh họa?
2. Nếu chi tiêu của Chính phủ tăng thêm 40, mức lãi suất và mức thu nhập cân bằng mới của nền kinh tế bằng bao nhiêu? Nhận xét về chính sách tài khoá và sử dụng đồ thị minh họa.
3. Để giữ lãi suất không đổi, ngân hàng trung ương cần thay đổi chính sách tiền tệ như thế nào?
4. Giả sử G không đổi nhưng Ngân hàng trung ương tăng cung ứng tiền tệ thêm 100. Xác định mức lãi suất và thu nhập cân bằng mới? Nhận xét về chính sách tiền tệ và sử dụng đồ thị minh họa.